

Số **2880**/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **12** tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính
tỉnh Quảng Trị năm 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ Ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020; Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13/6/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 15/4/2016 của Ban TVTU Quảng Trị về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 2057/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 427/TTr-SNV ngày 06 tháng 12 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Quảng Trị năm 2019.

Điều 2. Giao Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc triển khai, thực hiện Kế hoạch này, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

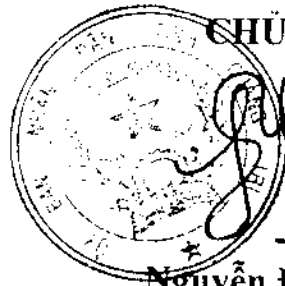
Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (b/c);
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học tỉnh;
- Sở Nội vụ 2b.
- Lưu: VT, KSTTHC.NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chính

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính tỉnh Quảng Trị năm 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2880 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn II (2016-2020) theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ, Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020, Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 15/4/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2016-2020, Kế hoạch cải cách hành chính (viết tắt là CCHC) giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Quảng Trị.

Chú trọng cải cách thủ tục hành chính, áp dụng công nghệ thông tin trong công tác cải cách hành chính. Triển khai sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập; các đơn vị hành chính cấp xã; tổ chức thôn, khu phố tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công, nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm phục vụ người dân, tổ chức và doanh nghiệp tốt hơn. Duy trì và nâng cao các chỉ số: cải cách hành chính (PAR INDEX), nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI)... để tạo môi trường thuận lợi thu hút các nguồn lực cho đầu tư phát triển, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

2. Yêu cầu

Xác định cụ thể các nhiệm vụ trọng tâm trong cải cách hành chính (viết tắt là CCHC) và trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước có liên quan tại địa phương trong việc triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan; kịp thời đôn đốc, hướng dẫn và tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện;

Kế thừa phát huy những kết quả tốt về cải cách hành chính trong thời gian qua, đồng thời chủ động sáng tạo, quyết liệt áp dụng những giải pháp mới để CCHC là khâu đột phá trong quản lý của tỉnh.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Công tác chỉ đạo điều hành

a) Tiếp tục ban hành các văn bản nhằm triển khai và tổ chức có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ CCHC trên địa bàn tỉnh; tăng cường công tác thông tin,

tuyên truyền cải cách hành chính thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và các cuộc thi tìm hiểu CCHC.

b) Chỉ đạo, đôn đốc các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân (*viết tắt là UBND*) các huyện, thị xã, thành phố ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2019 kịp thời, đúng quy định. Ban hành kế hoạch và thực hiện công tác tuyên truyền về CCHC.

c) Rà soát đề sửa đổi, ban hành Bộ chỉ số CCHC nhằm chấm điểm chỉ số CCHC các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và làm cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và bình xét thi đua khen thưởng cuối năm.

d) Gắn công tác CCHC với thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, công tác dân vận chính quyền; khắc phục những hạn chế, đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao Chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số CCHC, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và thực hiện các cam kết cải thiện chi phí không chính thức.

e) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động, chỉ đạo, điều hành của hệ thống hành chính nhà nước.

f) Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra công vụ, kiểm tra công tác CCHC, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh giao tại các cơ quan, đơn vị nhằm chấn chỉnh việc chấp hành kỷ luật và kỷ cương trong bộ máy hành chính.

2. Cải cách thể chế hành chính nhà nước

a) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật ban hành VBQPPL; xây dựng và ban hành VBQPPL đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất và tính khả thi đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước, điều hành và phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh.

b) Ban hành và tổ chức có hiệu quả kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra VBQPPL; rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật theo quy định. Thông qua hoạt động kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL kịp thời xử lý những văn bản có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, không phù hợp với quy định của cơ quan nhà nước cấp trên và tình hình thực tiễn địa phương.

c) Tiếp tục cập nhật các VBQPPL vào cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định tại Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ về cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

d) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện các VBQPPL trên địa bàn tỉnh.

3. Cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

a) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày

07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính.

b) 100% thủ tục hành chính được chuẩn hóa và công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Trang thông tin điện tử của tỉnh, niêm yết tại trụ sở các cơ quan, đơn vị nhằm tăng tính minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính.

c) Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính để kịp thời đề xuất cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính.

d) Tăng cường công tác truyền thông về kiểm soát thủ tục hành chính, tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

e) Triển khai và thực hiện có hiệu quả Thông tư số 01/TT-VPCP ngày 23/11/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định 61/2018/NĐ-CP và Quyết định số 2312/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 của UBND tỉnh Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

f) Hoàn thiện Đề án thành lập Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh và tổ chức, hoạt động theo kế hoạch.

g) Kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo định kỳ và đột xuất nhằm phòng chống tiêu cực, những nhiễu của cán bộ công chức trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp.

4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Tiếp tục triển khai Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh về Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị hành chính cấp xã; thôn, khu phố cơ quan hành chính đơn vị sự nghiệp công lập trong thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 hội nghị lần thứ 6, Ban chấp hành Trung ương khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 hội nghị lần thứ 6, Ban chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, bộ máy và biên chế của các cơ quan hành chính nhà nước, loại bỏ chồng chéo trong quy định về chức năng, nhiệm vụ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

c) Phê duyệt vị trí việc làm trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trên toàn tỉnh.

d) Hoàn thành quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập nhằm thực hiện tốt hơn việc cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về quy định cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chuyển đổi đơn vị sự nghiệp

công lập thành công ty cổ phần; Quyết định số 31/2017/QĐ-TTg ngày 17/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí, danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị SNCL thành công ty cổ phần.

e) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án tinh giản biên chế của các Sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố đã được UBND tỉnh phê duyệt theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, Kết luận số 17-KL/TW ngày 11/9/2017 của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện biên chế, tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị năm 2015 - 2016; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2017 - 2021 và Nghị định 108/2015/NĐ-CP, Nghị định 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

f) Tổ chức kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về tổ chức bộ máy và biên chế của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

g) Thực hiện tốt quản lý nhà nước đối với các Hội và tổ chức phi chính phủ.

5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

a) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước. Thực hiện hiệu quả vị trí việc làm và cơ cấu công chức trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

b) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị định 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập

c) Triển khai bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức về CCHC, đạo đức công vụ kỹ năng giao tiếp gắn với việc nâng cao tính chuyên nghiệp, trách nhiệm công vụ, thái độ phục vụ người dân, doanh nghiệp.

d) Thực hiện đúng quy định về chế độ tuyển dụng, thu hút và tạo nguồn nhân lực; bố trí, phân công nhiệm vụ, chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức. Thực hiện thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo hướng cạnh tranh.

e) Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 27-KH/TU ngày 28/11/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2015 - 2020 và xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025; Kế hoạch số 28-KH/TU ngày 28/11/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy luân chuyển cán bộ, lãnh đạo, quản lý các cấp trong tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 và Kết luận số 36 - KL/TU ngày 28/11/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “về tiếp tục đẩy mạnh công tác quy hoạch, luân chuyển cán bộ lãnh đạo quản lý đến năm 2025 và những năm tiếp theo”.

f) Hoàn thiện phần mềm đánh giá cán bộ, công chức, viên chức. Tổ chức thực hiện việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức lãnh đạo thuộc Ban TV Tỉnh ủy quản lý, Ban Cán sự đảng UBND tỉnh quản lý theo Bộ tiêu chí đánh giá (ban hành kèm theo Quyết định số 370-QĐ/TU ngày 17/10/2016 và Quyết định số 786-QĐ/TU ngày 04/12/2017 của Ban TV Tỉnh ủy).

6. Cải cách tài chính công

a) Đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghiêm túc thực hiện Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 13/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về đẩy mạnh triển khai Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ

b) Tăng cường công tác quản lý thu, chi ngân sách nhà nước, thực hiện công khai ngân sách theo đúng quy định. Tiếp tục nghiên cứu, đổi mới cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích đơn vị, địa phương tích cực phát triển nguồn thu, tăng thu cho ngân sách; tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị trong quản lý, sử dụng nguồn kinh phí ngân sách cấp chủ động, hiệu quả, đúng quy định. Thực hiện tiết kiệm chống lãng phí, giám sát chặt chẽ thu ngân sách.

c) Tiếp tục thực hiện cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần

7. Hiện đại hóa nền hành chính

a) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước theo Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ và Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020, tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh về phê duyệt dự án xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị và giai đoạn 1 kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị, phiên bản 1.0 ban hành kèm theo Quyết định 2336/QĐ-UBND ngày 9/10/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị.

b) 100% sở, ban, ngành, UBND cấp huyện sử dụng văn bản điện tử và chữ ký số trong hoạt động. Triển khai các giải pháp nhằm tăng tiến độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến; nâng cao tỷ lệ số hồ sơ TTHC của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã được xử trực tuyến ở mức độ 3, mức độ 4.

c) Duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện; đẩy nhanh lộ trình xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2008 vào hoạt động tại UBND cấp xã;

d) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc; Phần mềm theo dõi đôn đốc kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao. Vận hành, quản trị, tăng cường tập huấn, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc sử dụng Cổng giao tiếp dịch vụ công trực tuyến và ứng dụng Một cửa điện tử được tích hợp trên Cổng giao tiếp dịch vụ công trực tuyến tỉnh theo Quyết định số 18/2017/QĐ-UBND ngày 01/9/2017 của UBND tỉnh. Thực hiện đầy đủ các nội dung triển khai ứng dụng các dịch vụ công trực tuyến mức độ cao theo chỉ đạo của Chính phủ.

e) Bố trí nguồn kinh phí để cải tạo, xây mới và mua sắm thiết bị cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo lộ trình tại Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ nâng cao chất lượng

hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trên địa bàn tỉnh.

f) Thực hiện các dịch vụ bưu chính công ích trong tiếp nhận, trả hồ sơ theo yêu cầu của người dân, doanh nghiệp.

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Xác định công tác CCHC là khâu đột phá quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã trực tiếp chịu trách nhiệm và chỉ đạo thống nhất việc thực hiện CCHC trong phạm vi quản lý của mình.

2. Xây dựng kế hoạch, xác định nhiệm vụ CCHC của từng sở, ban, ngành, địa phương phải bám sát mục tiêu, kế hoạch, nhiệm vụ chung của tỉnh. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ 6 nhiệm vụ CCHC, trong đó trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông (gắn với thực hiện chính quyền điện tử, một cửa điện tử), xác định rõ thời gian hoàn thành; phân công cụ thể trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức thực hiện.

3. Coi trọng công tác tuyên truyền, quán triệt sâu rộng các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về CCHC đối với các cấp chính quyền và người dân, doanh nghiệp để tạo ra sự đồng thuận chung trong toàn xã hội để thực hiện các nhiệm vụ CCHC. Chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về CCHC cho cán bộ quản lý, công chức làm công tác CCHC, đặc biệt công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

4. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; quán triệt cán bộ, công chức về đạo đức công vụ, CCHC; chống quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu; tinh thần chính quyền phục vụ và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp. Lấy kết quả việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ CCHC nhà nước làm cơ sở để đánh giá, sử dụng, đề bạt và khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm về các vi phạm của cán bộ, công chức trong phạm vi quản lý.

5. Thực hiện kiểm tra, đánh giá việc thực hiện CCHC theo quy định để có những giải pháp thích hợp nhằm đẩy mạnh CCHC.

6. Bảo đảm đủ kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ CCHC tỉnh đạt hiệu quả, đặc biệt cho thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp

7. Điều tra đánh giá mức độ hài lòng của công dân theo quy định, để phát huy những mặt tích cực, đồng thời có những giải pháp cải thiện chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công và nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ người dân, tổ chức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Đối với các nội dung là nhiệm vụ thường xuyên, các cơ quan, đơn vị chủ động cân đối chi từ nguồn kinh phí khoán chỉ, tự chủ trong dự toán ngân sách năm 2019 đã được giao.

Đối với nhiệm vụ trọng tâm của Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho một số sở, ban, ngành: Giao Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Căn cứ nội dung của Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 14/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh, kế hoạch CCHC tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2020, kế hoạch CCHC năm 2019, các chương trình, đề án, dự án có liên quan đến CCHC do Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, tỉnh phê duyệt và tình hình thực tế, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch của đơn vị, địa phương.

b) Chủ động triển khai thực hiện các nội dung, công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Sở, Ban, ngành, địa phương. Phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch.

c) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện Kế hoạch CCHC đã đề ra.

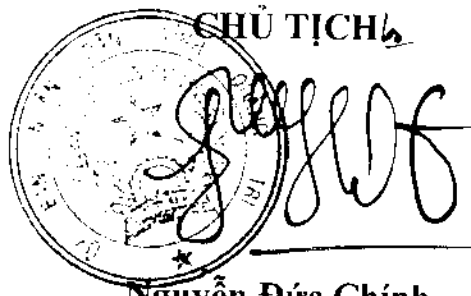
d) Thực hiện đầy đủ quy định chế độ báo cáo.

2. Các cơ quan chủ trì thực hiện các đề án, nhiệm vụ CCHC quy định tại Phụ lục đính kèm có trách nhiệm xây dựng các văn bản, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành theo quy định; thường xuyên báo cáo tiến độ thực hiện để theo dõi.

Giao Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc hướng dẫn và kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc các đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Chính



PHỤ LỤC

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC					
1	Ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2019	Kế hoạch CCHC của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành	Trước 31/12/2018	Kinh phí hoạt động thường xuyên
		Kế hoạch CCHC của các sở, ban, ngành	Văn phòng sở (hoặc phòng Tổ chức-Hành	Các phòng, ban, chuyên môn, đơn vị thuộc sở, ban, ngành	Theo quy định	
		Kế hoạch CCHC của UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Phòng Nội vụ huyện, thị xã, thành phố	Các phòng, ban, chuyên môn, đơn vị thuộc UBND cấp huyện, cấp xã.		
2	Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác trọng tâm của UBND tỉnh, UBND các cấp, các sở, ban, ngành	Chương trình, Kế hoạch công tác	Văn phòng UBND các cấp; Văn phòng các sở, ban, ngành	Các sở, ban, ngành, các phòng ban... liên quan	01/2019	Kinh phí thường xuyên
3	Ban hành Kế hoạch và tổ chức kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	- Quyết định của UBND tỉnh - Quyết định của UBND cấp huyện	- Sở Nội vụ - Phòng Nội vụ	- Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện. - Các phòng, ban, đơn vị, UBND cấp xã	Quý 1/2019	Kinh phí thường xuyên
		Quyết định của các cơ quan, đơn vị	Văn phòng (Phòng HCTH)	Các phòng ban liên quan	Quý 1/2019	Kinh phí thường xuyên

4	Ban hành kế hoạch và tổ chức tuyên truyền công tác CCHC năm 2019	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện	01/2019	Kinh phí thường xuyên
5	Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về cải cách hành chính tỉnh Quảng Trị 2019	Cuộc thi viết	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Quý II, III	100
6	Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ CCHC năm 2019, phương hướng nhiệm vụ năm 2020	Báo cáo của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện;	Quý IV	Kinh phí thường xuyên
		Báo cáo của các sở, ban, ngành	Văn phòng các sở, ban, ngành	Các phòng, ban, đơn vị có liên quan.	Quý IV	
		Báo cáo của UBND cấp huyện	UBND cấp huyện	Các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND cấp huyện;	Quý IV	
7	Các văn bản chỉ đạo điều hành nhằm cải thiện và nâng cao chỉ số: PAPI, PCI, PAR INDEX, SIPAS.	Các văn bản của UBND tỉnh	VP UBND tỉnh, các Sở chịu trách nhiệm tham mưu nâng cao các Chỉ số	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	Thường xuyên	Kinh phí thường xuyên
8	Tổ chức đánh giá chỉ số CCHC, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2019 và công bố kết quả	- Quyết định của UBND tỉnh - Quyết định của UBND cấp huyện	- Sở Nội vụ, - Phòng Nội vụ	-Các sở, ban, ngành, VP UBND tỉnh -Các phòng, ban, VP UBND cấp huyện	Quý IV	Kinh phí thường xuyên
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ					
1	Tiếp tục triển khai, thực hiện có hiệu quả Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015	Các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	Thường xuyên	Kinh phí thường xuyên
2	XD kế hoạch và tiến hành kiểm tra	Kế hoạch của	Sở Tư pháp,	Các sở, phòng, ban,	Kế hoạch	Kinh phí

	VBQPPL theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính Phủ năm 2019	UBND tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã	Phòng Tư pháp	đơn vị; UBND cấp huyện, cấp xã	ban hành trong tháng 01/2019	thường xuyên
		Kế hoạch của các Sở, ngành	Văn phòng Sở (Phòng Pháp chế)	Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc		
3	Công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND các cấp ban hành hết hiệu lực hàng năm theo quy định	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Tư Pháp	Các Sở, ban, ngành; các đơn vị có liên quan thuộc UBND cấp huyện	Tháng 1/2019	Kinh phí thường xuyên
		Quyết định của UBND cấp huyện	Phòng Tư pháp			
		Quyết định của UBND cấp xã	Tư pháp xã	Các đơn vị có liên quan		
4	Cập nhật VBQPPL vào cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật	Các văn bản được cập nhật	Sở Tư pháp	Các sở, ngành có liên quan; Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	Kinh phí thường xuyên
5	Xây dựng kế hoạch và tiến hành kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2019	Kế hoạch, Quyết định của UBND tỉnh.	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện,	- Kế hoạch: Ban hành tháng 1/2019 - Báo cáo: Tháng 11/2019 - Quyết định công bố: Tháng 11/2019	Kinh phí thường xuyên
		Quyết định của UBND cấp huyện.	Phòng Tư pháp	Các phòng, ban; UBND cấp huyện		
		Kế hoạch, báo cáo của các Sở, ban, ngành	Pháp chế Sở, ngành	Các cơ quan, đơn vị có liên quan		
		Quyết định của UBND cấp xã.	Tư pháp xã	Các đơn vị có liên quan		
6	Xây dựng kế hoạch và Báo cáo kết quả kiểm tra, theo dõi tình hình thi hành pháp luật	Kế hoạch của UBND các cấp	- Sở Tư pháp - Phòng Tư pháp - UBND cấp xã	Các Sở, ban, ngành, các đơn vị có liên quan	- Kế hoạch: ban hành tháng 01/2019. - Báo cáo kết quả 10/2019	Kinh phí thường xuyên

III. CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH; THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG

1	Xây dựng Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2019	Kế hoạch của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Tháng 1/2019	Kinh phí thường xuyên
		Kế hoạch của các sở, ban, ngành	Văn phòng	Các phòng, ban, đơn vị;		
		Kế hoạch của UBND cấp huyện, cấp xã	Phòng Tư pháp; Văn phòng HĐND&UBND; Tư pháp xã	Các phòng, ban, liên quan		
2	Rà soát, đơn giản hóa, công bố các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các cấp.	Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh	- Các sở, ban, ngành - UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	Kinh phí thường xuyên
3	Tổ chức kiểm tra công tác kiểm soát TTHC tại các cơ quan hành chính nhà nước (Lồng ghép với đoàn Kiểm tra CCHC)	Báo cáo kết quả kiểm tra	Văn phòng UBND tỉnh	- Các sở, ban, ngành - UBND cấp huyện, cấp xã	Quý II, III/2019	
4	Công khai TTHC lên cơ sở dữ liệu quốc gia, trang thông tin điện tử của tỉnh và tại các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.	Các TTHC được công khai	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Thường xuyên	Kinh phí thường xuyên
5	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.	Báo cáo của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	Kinh phí thường xuyên
		Báo cáo của UBND cấp huyện	Văn phòng HĐND&UBND, Thanh tra	Các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND cấp huyện có liên quan.		

			huyện;			
		Báo cáo của UBND cấp xã	Văn phòng UBND xã, Tư pháp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan		
6	Khảo sát ý kiến của người dân, doanh nghiệp về thực hiện TTHC (lồng ghép trong thực hiện Kế hoạch số 2191/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 của UBND tỉnh về Kế hoạch khảo sát MDHL trên địa bàn tỉnh)	Báo cáo kết quả khảo sát	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	- Sở Nội vụ; - Văn phòng UBND tỉnh.	Hàng Quý	Kinh phí thường xuyên
7	Triển khai và thực hiện có hiệu quả Thông tư số 01/TT-VPCP ngày 23/11/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành	Công văn của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Quý I	Kinh phí thường xuyên
8	Tham mưu Thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Quyết định của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành	Năm 2019	Kinh phí theo Đề án khi thông qua
9	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ chế 1 cửa, 1 cửa liên thông. Thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa đối với 100% TTHC đã công bố. Thực hiện hiệu quả phần mềm một cửa điện tử	Quyết định của sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, UBND các xã, phường, thị trấn	Văn phòng UBND tỉnh	Năm 2018	Kinh phí thường xuyên
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC					
1	Tiếp tục rà soát, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp	Quyết định	- Sở Nội vụ - Phòng Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện,	Thường xuyên	Kinh phí thường

5	Thanh tra, kiểm tra công vụ, kiểm tra việc thực thi nhiệm vụ và chấp hành các quy định của nhà nước về công chức, công vụ (thực hiện theo Kế hoạch định kỳ, đột xuất).	- Kế hoạch thanh tra - Báo cáo kết quả thanh tra - Văn bản chấn chỉnh, xử lý sau thanh tra.	Sở Nội vụ	UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn	Cả năm	Kinh phí thường xuyên
6	Đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật; tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.	- Quyết định ban hành quy chế - Báo cáo kết quả	Sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp, UBND cấp huyện	Sở Nội vụ	Quý IV	Kinh phí thường xuyên
VI. CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG:						
1	<p>Tiếp tục triển khai Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ cho đơn vị sự nghiệp công lập Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và lĩnh vực sự nghiệp khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước - Ban hành định mức kinh tế- kỹ thuật làm căn cứ tính giá dịch vụ nhà nước đặt hàng - Thực hiện cổ phần hóa các DNNN theo đúng lộ trình và chuyển đổi các đơn vị SNCL tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư sang loại hình doanh nghiệp - Hoàn thành việc xây dựng phương án tự chủ và xác định phân loại tự chủ theo điều 12,13,14,15 của Nghị định 141/2016/NĐ-CP. 	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Tài chính	Các sở, ban liên quan, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên và kinh phí theo các Đề án

2	Triển khai Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chuyển các đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.	- Kế hoạch - Quyết định	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các cấp	Cả năm	Kinh phí thường xuyên
3	Rà soát đánh giá việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học công nghệ theo Nghị định 115/2005/NĐ-CP và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP của Chính phủ	Báo cáo kết quả thực hiện	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên
4	Đẩy mạnh xã hội hóa với việc cung cấp dịch vụ công các lĩnh vực giáo dục – đào tạo, y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình, văn hóa, thể thao...	- Quyết định - Báo cáo kết quả thực hiện xã hội hóa	- Sở Y tế - Sở Giáo dục và Đào tạo - Sở VII, TT và Du lịch - Sở LĐ - TB&XH	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên
5	Thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát đối với các cơ quan hành chính, đơn vị SN trong quản lý, sử dụng ngân sách. Tham mưu các biện pháp tăng nguồn thu ngân sách	Chương trình, kế hoạch, các văn bản chỉ đạo	Sở Tài chính Phòng Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Thường xuyên	Kinh phí thường xuyên
VII	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH					
1	Triển khai Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2019	Các nhiệm vụ theo Kế hoạch ứng dụng CNTT	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2019	Kinh phí SN và KP ĐIPT
2	Tiếp tục triển khai QĐ số 2782/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh về phê duyệt dự án XD CQ điện tử tỉnh Quảng Trị và triển khai QĐ số 1765/QĐ-UBND ngày 01/8/2018 của UBND tỉnh về XD mô hình đô thị thông minh tỉnh Quảng Trị GD 2018-2023 tầm nhìn đến 2030	Các hạng mục được đầu tư, các nhiệm vụ được thực hiện theo lộ trình	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành. UBND cấp huyện. cấp xã	Năm 2019	Kinh phí theo lộ trình phê duyệt

3	Triển khai KH số 3061/KH-UBND ngày 11/7/2017 của UBND tỉnh về triển khai ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong HĐ của CQNN tỉnh QT giai đoạn 2017-2020; QĐ số 10/2017/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của UBND tỉnh QT về ban hành Quy chế QL.&SD chữ ký số, chứng thư số chuyên dùng trên địa bàn tỉnh QT	- Đăng ký, cấp mới, gia hạn thu hồi chứng thư số - Đào tạo, tập huấn về quản lý, sử dụng - Áp dụng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2019	Kinh phí sự nghiệp
4	Tăng cường cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến mức độ cao phục vụ người dân và doanh nghiệp (trên Cổng/Trang TTĐT của tỉnh, của các cơ quan, đơn vị; trên Cổng giao tiếp DVCTT, hệ thống 1 cửa điện tử)	Các hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3, 4	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban ngành; Văn phòng UBND các huyện, thị xã, thành phố	2019	Kinh phí thường xuyên
5	Xây dựng các phần mềm quản lý điều hành	Các phần mềm	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Năm 2019	Kinh phí theo Đề án
6	Tiếp tục thực hiện QĐ số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tiếp nhận hồ sơ trả kết quả thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; Triển khai Điều tra dịch vụ Bưu chính công ích năm 2019 (theo CV số 2599/BTTTT-BC ngày 8/8/2018 của Bộ TT và TT	Các nhiệm vụ theo QĐ 45/2016/QĐ-TTg và Công văn 2599/BTTTT-BC	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên
7	Triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 của 32 xã, thị trấn (theo QĐ 2446/QĐ-UBND ngày 3/11/2014 và QĐ 589/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 của UBND tỉnh).	32 UBND xã, p, tt áp dụng và công bố HTQLCL phù hợp TCVN ISO 9001:2008	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Năm 2019	1.408
8	Kiểm tra và giám sát áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO	Báo cáo của UBND tỉnh (hoặc Sở Khoa	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý IV	35

	9001:2008 vào các cơ quan hành chính nhà nước các cấp.	học và Công nghệ).				
9	Tiếp tục thực hiện bố trí vốn đầu tư xây dựng, cải tạo Phòng làm việc, mua sắm tài sản bộ phận TN&TKQ theo Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND tỉnh của HĐND tỉnh về hỗ trợ và nâng cao chất lượng bộ phận TN và TKQ theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông các cấp	Nguồn vốn được bố trí, chuyển về cơ sở	Sơ Kế hoạch đầu tư UBND huyện cấp	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2019	5.180 (Kinh phí theo đề án năm 2019)